ĐỀ ANH 7

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
С	D	В	A	В	С	В	D
Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16
С	A	В	D	С	С	В	A
Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20	Câu 21	Câu 22	Câu 23	Câu 24
A	В	В	D	В	D	A	В
Câu 25	Câu 26	Câu 27	Câu 28	Câu 29	Câu 30	Câu 31	Câu 32
A	A	С	D	A	В	В	С
Câu 33	Câu 34	Câu 35	Câu 36	Câu 37	Câu 38	Câu 39	Câu 40
В	В	В	С	A	В	С	D

Question 1.

- A. heal /hi:1/
- B. heat /hi:t/
- C. bread /bred/
- D. speak /spi:k/
 - Ba từ (A), (B), (D) phát âm "ea" là /i:/.
 - (C) "bread" phát âm /e/ (âm ngắn).
 - Đáp án đúng: C. bread

Question 2.

- A. coughed /kpft/ (đuôi /t/)
- B. washed /wpst/ (đuôi /t/)
- C. dropped /dropt/ (đuôi /t/)
- D. played /pleɪd/ (đuôi /d/)
 - Ba từ (A, B, C) kết thúc bằng âm /t/, còn (D) "played" kết thúc bằng /d/.
 - Đáp án đúng: D. played

Question 3.

- A. increase (v) /m'kri:s/ (trong âm âm 2)
- B. record (n) / rek.o:d/ (âm 1)



C. produce (v) /prəˈdjuːs/ (âm 2)

- D. demand (v) /dɪˈmɑːnd/ (âm 2)
 - (B) "record" (n) trọng âm âm đầu,
 - (A), (C), (D) đều trọng âm rơi âm thứ 2 (động từ).
 - Đáp án đúng: B. record (n)

Question 4.

- A. figure / fig.ər/ (trọng âm âm 1)
- B. control /kənˈtrəʊl/ (âm 2)
- C. result /rɪˈzʌlt/ (âm 2)
- D. advise /əd'vaɪz/ (âm 2)
 - (B), (C), (D) trọng âm âm 2, còn (A) "figure" trọng âm âm đầu.
 - Đáp án đúng: A. figure

Question 5.

- So sánh hơn: "better at cooking."
- Đáp án đúng: B. better

Question 6.

- "suggest + V-ing" → "suggest taking the bus."
- Đáp án đúng: C. taking

Question 7.

- Từ chối lịch sự: "No, thank you."
- Đáp án đúng: B. No, thank you

Question 8.

- Câu ĐK loại 2: "If I were you."
- Đáp án đúng: D. were

Ouestion 9.

- Dùng "for + khoảng thời gian" → "for over ten years."
- Đáp án đúng: C. for

Question 10.

- Đại từ quan hệ tân ngữ: "what you're saying."
- Đáp án đúng: A. what

Question 11.

- Tag cho "used to" → "didn't we?"
- Đáp án đúng: B. didn't we

Question 12.

- Lùi thì: "he had gone to the meeting the previous day."
- Đáp án đúng: D. had gone

Question 13.

- "(13) your car off the road" \rightarrow "Pull your car off the road."
- Đáp án đúng: C. Pull

Question 14.

• "(14) _____ the handbrake and place warning triangles..." \rightarrow "Engage the handbrake."



• Đáp án đúng: C. engage

Question 15.

- "(15) calm and follow safety procedures." \rightarrow "Keep calm."
- Đáp án đúng: B. keep

Question 16.

- "(16) _____, check if spare tire is properly inflated..." \rightarrow "When possible."
- Đáp án đúng: A. When possible

Question 17.

- a. Then they formed committees to handle different tasks...
- b. Initially, the event was just a small local gathering.
- c. The festival eventually became a well-organized celebration...
 - Thứ tự logic: (b) "ban đầu..." → (a) "sau đó họ thành lập..." → (c) "kết quả: festival trở nên lớn."
 - Đáp án đúng: A. b a c

Question 18.

Chọn câu kết: "As a result, it earned a reputation as one of the highlights..."

• Đáp án đúng: B. As a result, it earned a reputation...

Question 19.

- "passwords that contain..."
- Đáp án: B. that

Ouestion 20.

- "cautious **before** clicking" hoặc "careful **before** clicking." Nhưng thông dụng hơn: "be cautious **before** clicking..."
- Đáp án: D. before

Ouestion 21.

- "patches that protect you..."
- Đáp án: B. that

Question 22.

- "... installing antivirus programs and firewalls **for** an extra layer of defense" hoặc "as an extra layer of defense." Thường viết "as an extra layer of defense."
- Đáp án: D. as

Question 23.

- "make sure you adjust privacy settings."
- Đáp án: A. adjust

Question 24.

- "By following these steps, you can (24) reduce the risk..." \rightarrow "significantly reduce."
- Đáp án: B. significantly

Question 25.

• Đáp án A Gián tiếp chuẩn: "Anna said she had never heard such wonderful music before."

Question 26.



 Dang yes/no question → Đáp án A "Mary asked John if he was going to the party the following day."

Question 27.

- Mệnh lệnh gián tiếp phủ định: "told sb not to do sth."
- Đáp án C The guard told the visitors not to touch the painting.

Question 28.

- Cấu trúc: "suggest that + S + (should) V."
- Đáp án D The teacher suggested that we use a dictionary in class.

Question 29.

• Đáp án A Chuẩn: "I have not seen my old friends since I left my hometown."

Question 30.

• Đáp án B. Chuẩn: "Our garden is full of flowers in spring."

Question 31. The word "minimizing" ~ "reducing."

• Đáp án: B. reducing

Question 32. One example of sustainable travel: "using eco-friendly places that utilize renewable energy."

• Đáp án: C. using eco-friendly places...

Question 33. "footprint" ~ "the effect one's actions have on the environment."

Question 34. "worthwhile" ~ "valuable."

Question 35. "challenges" ~ "difficulties." Opposite: "benefits."

Question 36. Sustainable travel is growing because "travelers are more conscious of their impact."

Question 37: Logic: "(37) Some people prefer self-study..."

Question 38. "(38) For example, reading short stories or watching movies ... helps build vocab."

→ "Immersion in authentic materials can be beneficial."

Question 39. "Mistakes are part of the process..." \rightarrow "Don't be afraid to make mistakes..."

Question 40. "Finally, don't forget to maintain motivation... sense of achievement...." → "Achievable targets ensure consistent enthusiasm."

